

Bản án số: 251/2022/HC-PT
Ngày: 15 - 4 - 2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2021/TLPT-HC ngày 15 tháng 10 năm 2021 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 10/2021/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

1. *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị Lệ C, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 6, Ấp V, xã V1, huyện C1, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Ngô Văn Quý, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ 6, Ấp V, xã V1, huyện C1, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Duy, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn T - Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre. (xin xét xử vắng mặt)

2.2. Ủy ban nhân dân huyện C1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Đ - Chủ tịch UBND huyện C1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C1, tỉnh Bến Tre (có mặt)

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Lê Thị Lệ C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cùng người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Ngô Văn Quý cùng trình bày:

Gia đình bà C có thửa đất diện tích 10.004m² thuộc thị trấn C2, huyện C1, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc đất là của ông bà cố là ông Lê Tấn S và bà Nguyễn Thị G để lại diện tích đất 5.600m² chia làm 04 phần: ông Lê Tấn C3 (ông nội bà C), ông Lê Tấn C4, ông Lê Tấn C5, ông Lê Tấn C6 mỗi người được hưởng phần diện tích 1.400m². Ngoài diện tích cha bà C là ông Lê Tấn H được thừa hưởng từ ông nội, cha bà còn mua thêm của ông Lê Tấn C4 1.000m², phần đất này cha bà C lập sẵn đồ án xây dựng 24 căn gia cư. Ngày 22/10/1958, ông Lê Tấn C6 đại diện gia đình hiến một phần đất trong diện tích 5.600m² của ông S để lại cho Hội đồng xã S1, thời hạn là 15 năm để xây trường học, theo đo đạc thực tế là 4.036m². Ngày 22/10/1973, hết hạn 15 năm vì điều kiện địa phương còn khó khăn nên gia đình bà không yêu cầu đòi lại phần đất nói trên.

Phần đất của cha bà C là ông Lê Tấn H chia làm 2 phần: phần phía đông cho mượn xây trường học và phần phía tây bị chia bởi con lộ nội bộ. Phần đất phía tây khu đồ án gia đình bà vẫn sử dụng tới năm 1975 để xây nhà cho con cháu sinh sống, đã được quận trưởng phê duyệt năm 1973. Phần đất này có đầy đủ giấy tờ về quyền sử dụng: bằng khoán, giấy mua bán với ông C4, bản đồ xây dựng 24 căn gia cư và Tờ giao kèo thuận phân đời ông sơ Lê Tuấn T1 để lại từ năm 1939. Các giấy tờ này do chính quyền chế độ cũ cấp hợp pháp, cũng không vi phạm các chính sách về đất đai của Nhà nước. Sau năm 1975 chính quyền quân quản C7 quản lý toàn bộ thửa đất nói trên. Khoảng năm 1990, cha bà là ông Lê Tấn H gửi đơn khiếu nại đòi lại phần diện tích đất do ông bà để lại. Năm 1992, khi giải quyết đơn của cha bà C, Thanh tra huyện C1 đo đạc thực tế phần đất của gia đình bà là 10.004m², trong đó hiến đất xây trường 4.036m².

Khu đất của gia đình bà C bị UBND huyện C1 tự ý chiếm dụng mà không có quyết định thu hồi đất cũng như đền bù hỗ trợ theo quy định pháp luật. Phần đất phía tây vẫn bị bỏ trống cho đến năm 2011; đến giữa năm 2011, UBND

huyện C1 quy hoạch xây chợ khu A và phân lô bán nền. Còn phần đất phía đông năm 2007 phá bỏ di dờ trường học đi nơi khác đến năm 2011 huyện C1 xây dựng nhà lồng chợ khu B và phân lô bán nền.

Xem xét các Quyết định 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng nhà nước, Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003, phần đất này không thuộc đối tượng thực hiện chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất ban hành trước ngày 01/7/1991. Do đó UBND huyện tự ý quản lý phần đất của gia đình bà là không có căn cứ và không đúng quy định, thủ tục mà pháp luật quy định, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của gia đình bà. Căn cứ quy định của đất đai qua các thời kỳ, khi Nhà nước tiến hành thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì Nhà nước phải ra quyết định thu hồi đất. Tại thời điểm thu hồi đất, địa phương không có chủ trương, kế hoạch sử dụng phần đất này vào mục đích nào, cũng không thuộc diện giải tỏa, đất bỏ trống mãi đến năm 2011 mới tiến hành phân lô, xây cất chợ nhưng UBND huyện, tỉnh không ra quyết định thu hồi đất, cũng không bồi thường hỗ trợ tái định cư cho bà mà tự ý tiếp quản, quản lý, sử dụng phần đất của gia đình bà. Trong các văn bản giả quyết của Thanh tra huyện, UBND huyện, tỉnh đều xác nhận phần đất này có nguồn gốc của gia đình bà nhưng không chấp nhận trả lại phần đất này.

Từ những căn cứ trên, bà Lê Thị Lệ C yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 “V/v giải quyết đơn yêu cầu của bà Lê Thị Lệ C” của Ủy ban nhân dân huyện (sau đây gọi tắt là UBND) Chợ Lách tỉnh Bến Tre; Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 “Về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Lệ C” của UBND tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản ý kiến số 1195/UBND-NC ngày 04/6/2019, văn bản ý kiến số 157/UBND-NC ngày 21/01/2021 và văn bản ý kiến số 248/UBND-NC ngày 04/02/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C1, tỉnh Bến Tre trình bày:

Diện tích 5600 m² đất tọa lạc tại khu phố II, thị trấn C2, huyện C1 có nguồn gốc của ông Lê Tấn S (là cha ông Lê Tấn C3, Lê Tấn C4, Lê Tấn C5 và Lê Tấn C6). Ngày 22 tháng 10 năm 1958 ông Lê Tấn C6 đại diện anh em trong gia đình hiến 5600 m² đất cho Hội đồng xã S1 để sử dụng làm trường học với thời hạn là 15 năm. Sau 15 năm, các anh em trong gia đình của ông C6 không có yêu cầu hay khiếu nại xin lại phần đất trên. Sau năm 1975 nhà nước tiếp tục sử dụng làm trường học.

Ngày 27 tháng 12 năm 1965, ông Lê Tấn C3, Lê Tấn C4, Lê Tấn C5 và Lê Tấn C6 lập Tờ thuận phân chia 5600 m² ra làm bốn phần, mỗi ông được hưởng 1400 m². Năm 1973 ông Lê Tấn C4 bán 1000 m² đất cho ông Lê Tấn H (ông H là con ông Lê Tấn C3).

Phần đất theo đơn yêu cầu, khiếu nại thời điểm năm 1992 ông Lê Tấn H (cha bà C) yêu cầu có diện tích là 5.600m². Trong quá trình khiếu nại ông H, bà C thừa nhận vào thời điểm năm 1966 ông H có cho nhiều hộ thuê mượn để cất nhà ở, sinh sống và các hộ tự mua bán với nhau ở đến hiện nay. Phần diện tích còn lại tiếp giáp với các hộ mà gia đình ông Lê Tấn H đã cho thuê thì trước năm 1960 chế độ cũ đã quản lý, sử dụng để xây dựng Chi quân y (bệnh viện). Sau 30 tháng 4 năm 1975 nhà nước tiếp tục quản lý, sử dụng làm Bệnh viện huyện C1.

Ngày 08 tháng 4 năm 2004, Ủy ban nhân dân huyện C1 ban hành Quyết định số 524/QĐ-UB về việc giải quyết đơn yêu cầu của là Lê Thị Lệ C, ĐKTT ấp L1, xã V1. Quyết định có nội dung không giải quyết theo nội dung yêu cầu của bà Lê Thị Lệ C. Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện là phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ:

- Nhà nước không có quản lý hay thu hồi đất của ông H, bà C mà nhà nước quản lý trên cơ sở trường học và Chi quân y của chế độ cũ để lại. Trước 30 tháng 4 năm 1975 phần đất này là trường học của chế độ cũ. Sau 30 tháng 4 năm 1975 nhà nước tiếp quản, quản lý từ chế độ cũ đã sử dụng làm trường học và tiếp tục sử dụng làm trường học. Việc quản lý này theo quy định của Quyết định số 111/CP ngày 14 tháng 4 năm 1977 của Chính phủ về việc ban hành chính sách quản lý và cải tạo XHCN đối với nhà, đất cho thuê ở các đô thị của các tỉnh phía nam.

- Việc ông H, bà C cho rằng gia đình bà đã cho nhiều hộ thuê đất sử dụng đến nay. Đây là vụ việc dân sự riêng, không thuộc thẩm quyền giải quyết của ủy ban nhân dân huyện.

Ngày 08 tháng 4 năm 2004, ủy ban nhân dân huyện C1 ban hành Quyết định số 524/QĐ-UB về việc giải quyết đơn yêu cầu của là Lê Thị Lệ C, ĐKTT ấp L1, xã V1. Không đồng ý với nội dung quyết định, bà C khiếu nại đến Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 05 tháng 9 năm 2006 ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 1920/QĐ-UBND và bà C đã nhận Quyết định vào ngày 20 tháng 10 năm 2006. Ngày 26 tháng 4 năm 2019 bà C khởi kiện tại Tòa án thì đã hết thời hiệu theo quy định tại điểm a, khoản 3, điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Ý kiến của ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ vụ án theo quy định trên.

UBND huyện C1 khẳng định việc giải quyết khiếu nại của bà C là đúng pháp luật, nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C.

Theo văn bản ý kiến số 3052/UBND-NC ngày 24/6/2019 và văn bản ý kiến số 5366/UBND-NC ngày 13/10/2020, người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trình bày:

Diện tích 5.600m² đất tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn C2 huyện C1 có nguồn gốc của ông Lê Tấn S, bà Nguyễn Thị G là cha mẹ của ông Lê Tấn C3, Lê Tấn C4, Lê Tấn C5 và Lê Tấn C6. Ngày 22/10/1958, ông C6 đại diện anh, em trong gia đình lập tờ hiến cho Hội đồng xã S1 một phần đất trong diện tích 5.600m² để hội đồng xã S1 sử dụng làm trường học với thời hạn là 15 năm từ ngày 22/10/1958 đến 22/10/1973. Sau năm 1973, ông C6 và anh em trong gia đình ông không lấy lại đất đã hiến và phần diện tích đất này tiếp tục được sử dụng làm trường học. Sau năm 1975, Nhà nước tiếp quản lý và sử dụng phần diện tích 5.600m² làm bệnh viện huyện C1.

Năm 1991 ông Lê Tấn H là con của ông C3 gửi đơn khiếu nại và xin lại phần đất đã cho các hộ dân mượn cất nhà ở trước năm 1975 và phần đất đã hiến năm 1958 cho Hội đồng xã S1 để xây dựng trường học. Năm 1993 ông H chết, các con của ông H ủy quyền cho bà C tiếp tục khiếu nại. Ngày 08/4/2004, UBND huyện C1 ban hành Quyết định 524/QĐ-UB về việc giải quyết đơn yêu cầu của bà C nội dung không giải quyết theo đơn yêu cầu của bà C. Bà tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh. Xét thấy, việc khiếu nại và yêu cầu của bà C là không có cơ sở để giải quyết, ngày 05/9/2006 UBND tỉnh ban hành Quyết định 1920/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà C. Quyết định 1920/QĐ-UBND là phù hợp quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 10/2021/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, quyết định:

Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Quyết định 297/CT-BT ngày 02/10/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc giải quyết một số vấn đề về nhà ở; Nghị định 127/NĐ-CP ngày 10/10/2005 của Chính phủ; Nghị quyết 755/2005/NQ-UBTVQH ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ Điều 20,23,26,38,44,45,47 Luật khiếu nại Tố cáo năm 1998;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xir: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ C về yêu cầu huỷ các quyết định hành chính sau: Quyết định số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 “về việc giải quyết đơn yêu cầu của bà Lê Thị Lệ C ĐKTT ấp L1 xã V1” của Ủy ban nhân dân huyện C1 tỉnh Bến Tre và Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 “Về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Lệ C, hiện cư ngụ ấp L1, xã V1, huyện C1” của UBND tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

Ngày 09/6/2021, người khởi kiện bà Lê Thị Lệ C kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có quan điểm như sau:

-Các quyết định của phía bị kiện ban hành là không đúng thẩm quyền.

-Đối với 13 hộ dân thuê đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa họ tham gia tố tụng là bỏ sót.

-Đất của bà C không thuộc điều chỉnh của Nghị định Chính phủ. Cấp sơ thẩm không nêu điều khoản nào của Nghị quyết số 23.

-Việc Nhà nước tiếp quản chỉ là tài sản trên đất, còn đất là của bà C thì phải trả lại.

-Cấp sơ thẩm chưa làm rõ 24 căn đất trống của bà C do ai đang quản lý, sử dụng.

-Cần làm rõ diện tích đất có phải của bệnh viện hay không? Bản án sơ thẩm nhận định rất mâu thuẫn về diện tích đất.

Từ đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Đủ cơ sở xác định đất của bà C thuộc trường hợp cải tạo Xã hội chủ nghĩa. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng pháp luật. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

- Đối tượng khởi kiện: Bà Lê Thị Lệ Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 “*về việc giải quyết đơn yêu cầu của bà Lê Thị Lệ C ĐKTT ấp L1 xã VI*” của UBND huyện C1 tỉnh Bến Tre; Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 “*Về việc giải quyết đơn khiếu*

nại của bà Lê Thị Lệ C, hiện cư ngụ ấp L1, xã VI, huyện C1” của UBND tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 3 và các Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đối tượng khởi kiện trong vụ án Quyết định số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 “*về việc giải quyết đơn yêu cầu của bà Lê Thị Lệ C ĐKTT ấp L1 xã VI*” của UBND huyện C1 tỉnh Bến Tre; Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 “*Về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Lệ C, hiện cư ngụ ấp L1, xã VI, huyện C1*” của UBND tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi nhận Quyết định số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND huyện C1 và Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 của UBND tỉnh Bến Tre. bà C đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện C1, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và khiếu nại đến Tòa án nhân dân Tối cao. Các cấp của Tòa án nhân dân đều xác định Quyết định số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND huyện C1 là quyết định giải quyết việc xem lại đất Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng không phải là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên không thuộc thẩm quyền của Tòa án bằng vụ án hành chính. Đến ngày 13/3/2019, Tòa án nhân dân Tối cao ban hành Công văn số 45/TANDTC-PC hướng dẫn thụ lý giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện quyết định hành chính liên quan đến chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo Xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991; Ngày 26/4/2019, bà C khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện của bà C đối với các quyết định hành chính nêu trên vẫn còn là đúng pháp luật.

[2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Năm 1992, ông Lê Tấn H là cha của bà Lê Thị Lệ C làm đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện C1 xin lại phần đất đã cho các hộ dân mượn cất nhà trước giải phóng và phần đất đã hiến cho Hội đồng xã S1. Ngày 24/7/1992, Thanh tra huyện C1 có Thông báo số 04/TT-TB về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Tấn H với nội dung không giải quyết theo đơn yêu cầu của ông. Sau đó, ông Lê Tấn H chết, các con của ông H tiếp tục ủy quyền cho bà Lê Thị Lệ C khiếu nại xin lại các phần đất nói trên. Ngày 08/4/2004, UBND huyện C1 ban hành Quyết định số 524/QĐ-UB với nội dung bác đơn khiếu nại của bà C. bà C tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Bến Tre; ngày 05/9/2006, UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 1920/QĐ-UBND với nội dung là bác đơn khiếu nại của bà C, công nhận quyết định số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND huyện C1. Căn cứ quy định tại Điều 37 Luật đất đai năm 1993; căn cứ các Điều 20, 23, 26, 38, 44, 45, 47 Luật khiếu nại Tố cáo năm 1998 Quyết định hành chính số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND huyện C1 và Quyết định số 1920/QĐ-

UBND ngày 05/9/2006 của UBND tỉnh Bến Tre được ban hành đúng trình tự thủ tục.

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Căn cứ theo quy định tại Điều 20, 23 Luật khiếu nại Tố cáo năm 1998 thì đối với các quyết định hành chính nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Như vậy, Quyết định hành chính số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND huyện C1 và Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 của UBND tỉnh Bến Tre được ban hành chưa đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, thiếu sót này không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án.

[4] Về nội dung của quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Phần đất mà bà C khiếu nại có diện tích 5.600m² đất tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn C2, huyện C1, phần đất này có nguồn gốc của ông Lê Tấn S, bà Nguyễn Thị G là cha mẹ của ông Lê Tấn C3, Lê Tấn C4, Lê Tấn C5 và Lê Tấn C6. Ngày 22/10/1958, ông C6 đại diện anh, em trong gia đình lập tờ hiến cho Hội đồng xã S1 một phần đất trong diện tích 5.600m² để Hội đồng xã S1 sử dụng làm trường học với thời hạn là 15 năm từ ngày 22/10/1958 đến 22/10/1973. Sau năm 1973, ông C6 và anh em trong gia đình ông không lấy lại đất đã hiến và phần diện tích đất này tiếp tục được sử dụng làm trường học. Thời điểm năm 1966 ông H có cho nhiều hộ thuê mướn để cất nhà ở, sinh sống và các hộ tự mua bán với nhau ở đến hiện nay. Phần diện tích còn lại tiếp giáp với các hộ mà gia đình ông Lê Tấn H đã cho thuê thì trước năm 1960 chế độ cũ đã quản lý, sử dụng để xây dựng Chi quân y (bệnh viện). Sau 30 tháng 4 năm 1975 Nhà nước tiếp tục quản lý, sử dụng làm Bệnh viện huyện C1. Hiện nay, phần đất này được sử dụng vào mục đích công cộng là khu A chợ, khu B chợ và một phần đã được 13 hộ dân sử dụng để cất nhà ở.

Theo bà C cho rằng: Phần đất mà bà C yêu cầu có diện tích 10.004m² là căn cứ vào Thông báo số 04/TT-TB ngày 24/7/1992 của Thanh tra huyện C1 khi giải quyết khiếu nại của ông Lê Tấn H là cha của bà C. Phần đất này gồm 2 phần, một phần có diện tích 4.036m² là trường học (có đo đạc thực tế), phần còn lại là khu đồ án của gia đình bà C. Việc Nhà nước quản lý toàn bộ phần đất này là không đúng quy định vì căn cứ Luật Đất đai 1987, bà C có đầy đủ giấy tờ chứng minh phần đất này là của gia đình bà thể hiện qua các giấy tờ hợp pháp của chế độ cũ như bằng khoán, giấy mua bán với ông C4, bản đồ xây dựng 24 căn gia cư, Tờ giao kèo thuận phân, đồng thời theo quy định nếu sử dụng đất ổn định, liên tục thì bà có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Điều 116 Luật đất đai 2003, Nghị định 181 nếu gia đình bà C muốn xin lại đất thì phải giải quyết nếu đất chưa giao cho người khác hoặc đã giao cho người

khác rồi thì Nhà nước phải bồi thường, trong khi đó gia đình bà C đã có yêu cầu đòi lại đất từ năm 1990.

Xét thấy: Căn cứ Thông báo số 04/TT-TB ngày 24/7/1992 của Thanh tra huyện C1 và Công văn số 3722/UBND-NC ngày 27/9/2019 của UBND huyện C1, phần đất theo đơn yêu cầu, khiếu nại của bà Lê Thị Lệ C và vào thời điểm năm 1991-1992, ông Lê Tấn H (cha bà C) yêu cầu là phần đất có diện tích 5600m². Trong quá trình giải quyết đơn khiếu nại của ông H vào năm 1991, UBND huyện C1 có tiến hành đo đạc lại. Theo kết quả đo đạc năm 1992 có sự chứng kiến của ông Lê Tấn H và ông Lê Tấn C6 thì phần đất trên thực tế có tổng diện tích là 10.006m². Trong đó, khu B chợ có diện tích 2009m², khu A chợ có diện tích 3723m², khu gia đình ông Lê Tấn C6 quản lý trước năm 1975 là 4274m². Như vậy, phần đất mà ông Lê Tấn H yêu cầu cũng như phần đất mà bà C hiện nay yêu cầu khởi kiện có tổng diện tích là 5732m² bao gồm khu B chợ, khu A chợ và khu 13 hộ dân đang sinh sống. Điều này phù hợp với nội dung của Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Như vậy, có căn cứ để xác định phần đất mà bà Lê Thị Lệ C yêu cầu giải quyết hiện nay là phần đất có diện tích 5.600m² đất tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn C2 huyện C1 có nguồn gốc là đất trường học. Còn phần đất dư ra khoảng 4272m² căn cứ Thông báo số 05/TB-TT ngày 24/7/1992 của Thanh tra huyện C1 thì phần đất này hiện nay do gia đình ông Lê Tấn C6 quản lý sử dụng từ trước năm 1975.

Căn cứ Tờ tương phân ngày 27/12/1965, ông Lê Tấn C3, ông Lê Tấn C4, ông Lê Tấn C5 và ông Lê Tấn C6 thỏa thuận phân chia 5600 m² ra làm bốn phần, mỗi ông được hưởng 1400 m². Sau đó, ông Lê Tấn C4 bán 1000 m² đất cho ông Lê Tấn H (ông H là con ông Lê Tấn C3) còn 400m² còn lại bán cho ông C6. Tuy nhiên, ngày 22/10/1958, ông C6 đại diện anh, em trong gia đình lại lập Tờ hiến đất cho Hội đồng xã S1 một phần đất trong diện tích 5.600m² để Hội đồng xã S1 sử dụng làm trường học với thời hạn là 15 năm từ ngày 22/10/1958 đến 22/10/1973. Vào năm 1964-1965, phần đất trên có thời gian chế độ cũ chiếm làm bệnh viện. Sau năm 1973, ông C6 và anh em trong gia đình ông không lấy lại đất đã hiến và phần diện tích đất này tiếp tục được sử dụng làm trường học. Sau năm 1975, Nhà nước tiếp quản lý và sử dụng phần diện tích 5.600m² làm bệnh viện huyện C1. Hiện nay, phần đất trên đã được Nhà nước quy hoạch làm khu chợ tại thị trấn C2. Như vậy, phần đất trên đã được Nhà nước quản lý sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay, gia đình bà C hoàn toàn không có quản lý sử dụng phần đất này.

Căn cứ Điều 1 của Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước

ngày 01/7/1991 thì: “Nhà nước không xem xét lại chủ trương chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01/7/1991. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất”. Việc bà C đòi lại phần đất trên thuộc trường hợp nhà đất đã được Nhà nước quản lý bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991 là không có căn cứ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ và đúng pháp luật. Quan điểm của luật sư bảo vệ cho phía người khởi kiện là không phù hợp, nên không được chấp nhận.

Đối với phần đất 13 hộ dân đang quản lý sử dụng: Phần này bà C cho rằng khoảng năm 1966, ông Lê Tấn H cha bà C có hợp đồng cho một số hộ dân thuê cất nhà ở. Theo Thông báo số 04/TT-TB ngày 24/7/1992 của Thanh tra huyện C1 và Công văn số 3722/UBND-NC ngày 27/9/2019 của UBND huyện C1, hiện nay có tổng cộng 13 hộ dân đang cất nhà trên đất và trong đó có 10 hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn 03 hộ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Phần đất trên các hộ dân trước đây có thừa nhận mượn đất nhưng quá trình sang bán trải qua nhiều giai đoạn, các người thuê đất cũ hiện nay cũng đã sang bán cho người khác. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân này trên cơ sở các hộ này đã quản lý, sử dụng đất trước tháng 10 năm 1993 theo quy định của Luật đất đai năm 1993. Trước ngày 01/7/1991, UBND có thẩm quyền không có quản lý sử dụng hay bố trí sử dụng; đồng thời Quyết định giải quyết khiếu nại số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND huyện C1 và Quyết định khiếu nại số 1920/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 của UBND tỉnh Bến Tre xác định các hộ mà gia đình bà C cho thuê vào năm 1966 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không giải quyết khiếu nại của bà C đối với các hộ này. Do vậy căn cứ vào Quyết định 297/CT-BT ngày 02/10/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc giải quyết một số vấn đề về nhà ở, Nghị định 127/NĐ-CP ngày 10/10/2005 của Chính phủ và Nghị quyết 755/2005/NQ-UBTVQH ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà C có quyền khởi kiện các hộ dân này bằng vụ kiện khác theo thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Từ những chứng cứ trên, xét thấy: Quyết định số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND huyện C1 và Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 của UBND tỉnh Bến Tre sai về thẩm quyền ban hành thay vì Chủ tịch UBND ban hành nhưng 02 quyết định trên lại do Ủy ban nhân dân ban hành. Tuy nhiên, về mặt trình tự thủ tục, nội dung, người ký ban hành quyết định là

đúng. Do đó, không cần thiết hủy Quyết định số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND huyện C1 và Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 của UBND tỉnh Bến Tre. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ C.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Lệ C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Lệ C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2021/ HC-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Quyết định 297/CT-BT ngày 02/10/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc giải quyết một số vấn đề về nhà ở; Nghị định 127/NĐ-CP ngày 10/10/2005 của Chính phủ; Nghị quyết 755/2005/NQ-UBTVQH ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ các Điều 20,23,26,38,44,45,47 Luật khiếu nại Tố cáo năm 1998;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ C về yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau: Quyết định số 524/QĐ-UB ngày 08/4/2004 “*Về việc giải quyết đơn yêu cầu của bà Lê Thị Lệ C ĐKTT ấp L1 xã VI*” của Ủy ban nhân dân huyện C1 tỉnh Bến Tre và Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 “*Về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Lệ C, hiện cư ngụ ấp L1, xã VI, huyện C1*” của UBND tỉnh Bến Tre.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Lệ C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006802 ngày 13/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre, bà C đã nộp đủ.

- Bà Lê Thị Lệ C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0000935 ngày 09/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre, bà C đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Chung Văn Kết

Phạm Công Mười

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- NKK;
- NBK;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 15bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười

